

Số: 01/2023/QĐST- DS

TP.Yên Bái, ngày 18 tháng 2 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ các Điều 147, 157, 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự ;

Căn cứ vào các Điều 299, 320, 357, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 được sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30.12.2016 của Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 02 năm 2023 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 62/2022/TLST-TCDS ngày 01 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N- Việt Nam.

Địa chỉ: Số 02 L, phường T, quận B, Thành phố Hà Nội.

+ Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T – Chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng N- Việt Nam.

+ Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Anh T1 – Chức vụ: Phó Giám đốc phụ trách điều hành Ngân hàng N- Việt Nam - Chi nhánh thành phố Y II.

Địa chỉ: Số 884 đường Đ – Tổ 50, phường M, thành phố Y, tỉnh Yên Bái.

+ Người được ủy quyền lại: Ông Trần Tuấn N – Trưởng phòng KHKD Ngân hàng N thành phố Y.

Bị đơn:

Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1973 và Bà Lương Thị L, sinh năm 1977

Cùng địa chỉ: tổ 41 (nay là tổ 14), phường Yên Ninh, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về nghĩa vụ trả nợ: Ông Lê Văn Đ; bà Lương Thị L có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền còn nợ theo các hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày hòa giải thành 10/02/2023 cụ thể như sau:

Hợp đồng tín dụng số 194/HĐTD ngày 21 tháng 06 năm 2018. Dư nợ hiện tại: 5.400.000.000 đồng. Lãi trong hạn: 749.963.836 đồng; Lãi quá hạn: 1.271.232 đồng

Tổng số tiền ông Lê Văn Đ và bà Lương Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng N Việt Nam tính đến hết ngày 10/02/2023 là: 14.346.832.877 đồng (mười bốn tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng). Trong đó nợ gốc là: 12.850.000.000 đồng (Mười hai tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng); lãi trong hạn là: 1.462.089.041 đồng (Một tỷ bốn trăm sáu mươi hai triệu không trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng), lãi quá hạn là 34.743.836 đồng (Ba mươi tư triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi sáu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày hòa giải thành (tức ngày 10/02/2023), nếu bị đơn không trả hết số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà bị đơn vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2.2. Trường hợp bị đơn ông Lê Văn Đ và bà Lương Thị L không thanh toán số nợ gốc, nợ lãi theo nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng N Việt Nam có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại các tài sản bảo đảm sau để thu hồi nợ, cụ thể là:

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BT 706xxx do UBND thành phố Yên Bái cấp ngày 24/11/2014; Số vào sổ cấp GCN: CH02xx. Thửa đất số: 2x; Tờ bản đồ số: 8x. Địa chỉ thửa đất: Tổ 14 (cũ là tổ 41), phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Diện tích: 200 m² (Bằng chữ: Hai trăm mét vuông). Mục đích sử dụng: Đất ở tại

đô thị (ODT); Thời hạn sử dụng: Lâu dài.

- Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận QSDĐ số: BT 706xxx do UBND Thành Phố Y cấp ngày 24/11/2014; Số vào sổ cấp GCN: CH02xxx. Thửa đất số: 2x; Tờ bản đồ số: 8x. Địa chỉ thửa đất: Tổ 14 (cũ là tổ 41), phường Y, thành phố Y, tỉnh Yên Bái. Diện tích: 126,9 m² (Bằng chữ: Một trăm hai sáu phẩy chín mét vuông). Mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm (CLN); Thời hạn sử dụng: đến ngày 14/11/2064.

Tài sản trên đất gồm có 02 ngôi nhà:

Nhà xây thứ nhất: Xây trên thửa đất số 27 là nhà 01 xây cấp IV, 01 tầng bếp công trình phụ khép kín điện nước đầy đủ: diện tích xây dựng 100m².

Nhà xây thứ hai: Xây trên thửa đất số 27 và một phần trên thửa đất số 26 là nhà xây cấp IV, 01 tầng bếp công trình phụ khép kín điện nước đầy đủ: diện tích xây dựng 120m².

Nếu tài sản thế chấp không đủ để trả nợ Ngân hàng thì ông Lê Văn Đ, bà Lương Thị L thanh toán tiếp phần còn thiếu. Trường hợp tài sản thế chấp sau khi phát mại để thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng còn thừa thì trả lại cho ông Lê Văn Đ, bà Lương Thị L.

2.3. Về án phí và chi phí tố tụng khác:

* Về án phí: Ông Lê Văn Đ và bà Lương Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 30.586.500 đồng (Ba mươi triệu, năm trăm tám sáu nghìn, năm trăm đồng).

Ngân hàng N Việt Nam phải chịu án phí dân sự thẩm là 30.586.500đồng (Ba mươi triệu, năm trăm tám sáu nghìn, năm trăm đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 61.000.000 đồng (Sáu mươi một triệu đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0006474 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Yên Bái. Ngân hàng N Việt Nam được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 30.413.500đồng (Ba mươi triệu bốn trăm mười ba nghìn năm trăm đồng).

* Về chi phí tố tụng khác: Ngân hàng N Việt Nam phải chịu 5.340.000đồng (Năm triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng) tiền xem xét thẩm định tại chỗ (xác nhận Ngân hàng đã nộp đủ).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSNDTP, THADS TP Yên Bái;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Kim Tuyền